

Số: 13/NQ-HĐND

Hòn Đất, ngày 24 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà
nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của
Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05
năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch
tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân
sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;*

*Căn cứ các Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân huyện Hòn Đất về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn huyện, thu, chi ngân sách địa phương năm 2022; Nghị quyết số
08/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Hòn
Đất về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022; Nghị
quyết số 33/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân
huyện Hòn Đất về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm
2022;*

*Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân huyện Hòn Đất về việc điều chỉnh dự toán thu NSNN trên địa bàn
huyện; thu, chi ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-
HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân
huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện; thu, chi ngân sách địa phương năm 2022. Cụ thể như sau:



I. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện

Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện từ 107.500 triệu đồng, lên 117.650 triệu đồng, tăng 10.150 triệu đồng, trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất từ 8.000 triệu đồng, lên 18.000 triệu đồng, tăng 10.000 triệu đồng.

- Thu huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng: 150 triệu đồng.

II. Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương

1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách địa phương

Điều chỉnh tổng dự toán thu ngân sách địa phương từ 987.183 triệu đồng lên 1.041.875 triệu đồng, tăng 54.692 triệu đồng, cụ thể:

- Thu tiền sử dụng đất huyện được để lại chi đầu tư từ 6.800 triệu đồng lên 11.350 triệu đồng, tăng 4.550 triệu đồng.

- Thu thu huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng: 150 triệu đồng.

- Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên từ 724.421 triệu đồng lên 771.205 triệu đồng, tăng 46.784 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang từ 197.162 triệu đồng lên 200.370 triệu đồng, tăng 3.208 triệu đồng.

2. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương

Điều chỉnh tổng dự toán chi ngân sách địa phương từ 987.183 triệu đồng lên 1.041.875 triệu đồng, tăng 54.692 triệu đồng, cụ thể:

- Chi thường xuyên từ 742.641 triệu đồng lên 774.915 triệu đồng, tăng 32.274 triệu đồng.

- Chi chuyển nguồn sang năm sau từ 57.158 triệu đồng lên 79.576 triệu đồng, tăng 22.418 triệu đồng.

(kèm theo Biểu số 15, 16, 17)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hòn Đất khóa X, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ký. *Dung*

Nơi nhận:

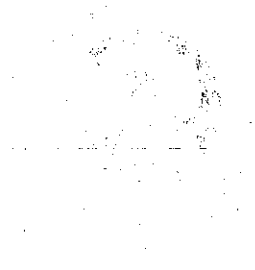
- TT. HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn cấp huyện;
- LĐVP HĐND và UBND huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT tổng hợp huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



au
Đỗ Văn Tân





100
101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200

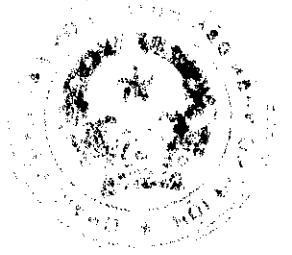
Biểu mẫu số 15(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 24/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

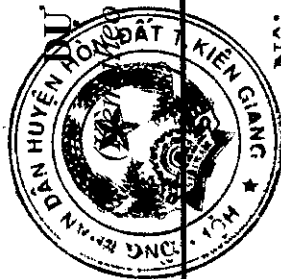
Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (HĐND huyện đã giao)	Dự toán điều chỉnh (tăng, giảm)	Dự toán năm 2022 (sau điều chỉnh)
A	B	1	2	3
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	987.183	54.692	1.041.875
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	65.600	4.700	70.300
-	Thu NSDP hưởng 100%	5.100		5.100
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	53.700		53.700
-	Thu tiền SDD huyện được để lại chi đầu tư	6.800	4.550	11.350
-	Thu huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương	0	150	150
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	724.421	46.784	771.205
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	469.085		469.085
2	Thu bổ sung có mục tiêu	255.336	46.784	302.120
III	Thu kết dư	0	0	0
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	197.162	3.208	200.370
B	TỔNG CHI NSDP	987.183	54.692	1.041.875
I	Tổng chi cân đối NSDP	900.742	32.274	933.016
1	Chi đầu tư phát triển (1)	145.138	0	145.138
2	Chi thường xuyên	742.641	32.274	774.915
3	Chi các lĩnh vực khác	0		0
4	Dự phòng ngân sách	11.545		11.545
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.418		1.418
V	Chi nộp ngân sách cấp trên	29.283		29.283
VI	Chi chuyển nguồn sang năm sau	57.158	22.418	79.576

Ghi chú: Dự toán chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương đã điều chỉnh sang Chi sự nghiệp giáo dục để chi các chế độ, chính sách đối với viên chức công tác ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP



Biểu mẫu số 16

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 24/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện)

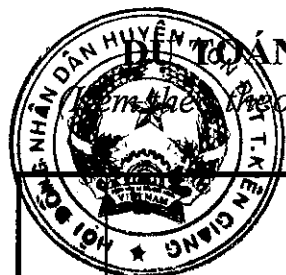
Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (HĐND huyện đã giao)		Dự toán điều chỉnh (tăng, giảm)		Dự toán năm 2022 (sau điều chỉnh)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NSNN	107.500	65.600	10.150	4.700	117.650	70.300
I	Thu nội địa	107.500	65.600	10.150	4.700	117.650	70.300
1	Khu vực DNNN địa phương	1.200	0	0	0	1.200	0
	- Thuế VAT, TNDN	1.200	0			1.200	0
	+ Thuế VAT	600	0			600	0
	+ Thuế TNDN	600	0			600	0
2	Thu thuế CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh	31.400	30.400	0	0	31.400	30.400
	- Thuế VAT, TNDN	30.400	30.400	0	0	30.400	30.400
	+ Thuế VAT	26.600	26.600			26.600	26.600
	+ Thuế TNDN	3.800	3.800			3.800	3.800
	- Thuế tài nguyên	1.000	0			1.000	0
3	Lệ phí trước bạ	23.300	23.300			23.300	23.300
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0			0	0
5	Thuế nhà đất						
6	Thuế thu nhập cá nhân	27.600	0			27.600	0
7	Thu tiền sử dụng đất	8.000	6.800	10.000	4.550	18.000	11.350

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (HĐND huyện đã giao)		Dự toán điều chỉnh (tăng, giảm)		Dự toán năm 2022 (sau điều chỉnh)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	4.000	0			4.000	0
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0				0
10	Thu phí và lệ phí	5.200	2.200	0	0	5.200	2.200
	- Phí, lệ phí Trung ương hưởng	2.600	0			2.600	0
	- Phí, lệ phí tỉnh hưởng	400	0			400	0
	- Phí, lệ phí huyện hưởng	1.000	1.000			1.000	1.000
	- Phí, lệ phí xã hưởng	1.200	1.200			1.200	1.200
11	Thu khác	6.800	2.900	0	0	6.800	2.900
	- Thu khác Trung ương hưởng	1.200	0			1.200	0
	- Thu khác ngân sách tỉnh hưởng	2.700	0			2.700	0
	- Thu khác cân đối huyện	700	700			700	700
	- Thu khác cân đối xã	2.200	2.200			2.200	2.200
12	Thu huy động đóng góp XDCSHT	0	0	150	150	150	150
13	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0				0

Biểu mẫu số 17

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)



ĐIỀU TÍNH CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 24/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (HĐND huyện đã giao)	Dự toán điều chỉnh (tăng, giảm)	Dự toán năm 2022 (sau điều chỉnh)
A	B	1		2
	TỔNG CHI NSĐP	987.183	54.692	1.041.875
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	930.025	32.274	962.299
I	Chi đầu tư phát triển (1)	145.138	0	145.138
<i>a</i>	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	<i>145.138</i>	<i>0</i>	<i>145.138</i>
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	53.277		53.277
-	Chi Văn hóa - Thông tin	11.599		11.599
	Chi Thể dục, thể thao	1.633		1.633
-	Chi y tế, dân số và gia đình	2.054		2.054
-	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	105		105
-	Chi phát thanh, truyền hình	1.635		1.635
-	Chi các hoạt động kinh tế	58.140		58.140
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	13.753		13.753
-	Chi đảm bảo xã hội	2.942		2.942
<i>b</i>	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	<i>145.138</i>	<i>0</i>	<i>145.138</i>
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.802		1.802
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	85.928		85.928
-	Chi đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	25.763		25.763
-	Chi đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia	21.274		21.274
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trung ương	500		500
-	Chi đầu tư từ các nguồn vốn khác thuộc ngân sách cấp huyện	9.871		9.871
II	Chi thường xuyên	742.641	32.274	774.915
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	294.060		295.529
2	Chi khoa học và công nghệ (2)			
III	Chi các lĩnh vực khác	0	0	0

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (HĐND huyện đã giao)	Dự toán điều chỉnh (tăng, giảm)	Dự toán năm 2022 (sau điều chỉnh)
A	B	1		2
IV	Dự phòng ngân sách	11.545		11.545
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.418	0	1.418
VI	Chi nộp ngân sách cấp trên	29.283	0	29.283
B	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	57.158	22.418	79.576

Ghi chú:

Dự toán chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương đã điều chỉnh sang Chi sự nghiệp giáo dục để chi các chế độ, chính sách đối với viên chức công tác ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP